

Số: 21/QĐ-TTCNTTTT

An Giang, ngày 24 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung dự toán nguồn kinh phí sự nghiệp năm 2023 thực hiện
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025
cho Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 140/QĐ-STTTT ngày 24/10/2023 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc bổ sung dự toán nguồn kinh phí sự nghiệp năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 cho Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 của Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông, số tiền chi tiết như sau:

- Dự toán chi: 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng). Chi tiết theo biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Niêm yết tại trụ Sở;
- Công TTĐT TTCNTTTT;
- Lưu: VT.



GIÁM ĐỐC

Trần Trường Giang

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông

Chương: 427



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 21/QĐ-TTCNTTTT ngày 24/10/2023 của Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí, thu khác	
1	Thu khác	
2	Phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
I	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (Trong đó, trích nguồn thực hiện cải cách tiền lương)	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	120,000,000
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề (Loại 070 - khoản 085) mã CTMTQG: 0498	60,000,000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	60,000,000

	- Ngân sách trung ương	60,000,000
	+ Nội dung thành phần số 08: Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin. Gán mã, cập nhật, thông báo địa chỉ số cho từng hộ gia đình và các cơ quan, tổ chức.	60,000,000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
	- Dành 10% tiết kiệm để tạo nguồn cải cách tiền lương	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi khác ngân sách (Loại 400 - khoản 428, mã CTMTQG: 0498)	60,000,000
11.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
11.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	60,000,000
	- Ngân sách địa phương đối ứng	60,000,000
	+ Nội dung thành phần số 08: Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin. Gán mã, cập nhật, thông báo địa chỉ số cho từng hộ gia đình và các cơ quan, tổ chức	60,000,000
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	

2.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	

Số: 140/QĐ-STTTT

An Giang, ngày 24 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung dự toán nguồn kinh phí sự nghiệp năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 cho Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông

GIÁM ĐỐC SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG TỈNH AN GIANG

Căn cứ Quyết định số 47/2022/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 337/QĐ-UBND ngày 22/03/2023 của UBND tỉnh về việc phân bổ chi tiết nguồn kinh phí sự nghiệp năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 64/QĐ-STTTT ngày 24/05/2023 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc phân bổ nguồn kinh phí sự nghiệp năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 cho Văn phòng Sở Thông tin và Truyền thông;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung dự toán nguồn kinh phí sự nghiệp năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 cho Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông tổ chức bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin; kỹ năng truyền thông đa phương tiện số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) chi tiết phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán được giao, Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông có trách nhiệm triển khai các công việc theo Kế hoạch đã được phê duyệt; quản lý sử dụng kinh phí theo đúng các quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Sở, Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- KBNN;
- Lưu: VT, VP.



PHỤ LỤC

BỘ SUNG NGUỒN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP NĂM 2023

Đơn vị: Trung Tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông

Mã số: 1034985

Mã KBNN nơi giao dịch: 0761

(Kèm theo Quyết định số: 140/QĐ-STTTT ngày 24/10/2023 của Sở Thông tin và Truyền thông)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0
1	Số thu phí, lệ phí, thu khác	0
2	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí, thu khác được để lại	0
3	Số thu phí, lệ phí nộp NSNN	0
B	Dự toán chi từ ngân sách nhà nước	120,000,000
I	Chi từ NS tỉnh	120,000,000
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề (Loại 070 - Khoản 085, Mã CTMTQG: 0498)	60,000,000
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	60,000,000
	- Ngân sách trung ương	60,000,000
	+ Nội dung thành phần số 08: Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin. Gán mã, cập nhật, thông báo địa chỉ số cho từng hộ gia đình và các cơ quan, tổ chức	60,000,000
2	Chi Tài chính và khác (Loại 400- khoản 428, Mã CTMTQG: 0498)	60,000,000
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	60,000,000
	- Ngân sách địa phương đối ứng	60,000,000
	+ Nội dung thành phần số 08: Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin. Gán mã, cập nhật, thông báo địa chỉ số cho từng hộ gia đình và các cơ quan, tổ chức (Mã CTMTQG: 0498)	60,000,000